

Số: *1546* /QĐ- UBND

Trảng Bàng, ngày *13* tháng *4* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
Quý I năm 2022 trên địa bàn thị xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2016/QH13 ngày 25/6/2015

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 16625/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND Thị xã Trảng Bàng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn thị xã;


Căn cứ Quyết định số 16627/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND thị xã Trảng Bàng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và mức bổ sung từ ngân sách cấp thị xã cho các xã, phường năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 226a/TTr-PTC ngày 12 tháng 4 năm 2022 .


QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2022 trên địa bàn thị xã Trảng Bàng (*biểu mẫu đính kèm*)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Sở Tài chính;
- TT.TU & HĐND thị xã;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Hồng Thắm

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1526/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thị xã Trăng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	THỰC HIỆN QUÍ I NĂM 2022	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	515 580	100 105	19,42%	52,89%
I	Thu cân đối NSNN	329 160	100 105	30,41%	109,70%
1	Thu nội địa	226 330	63 664	28,13%	69,77%
2	Thu viện trợ				
3	Tình quản lý thu điều tiết cho thị xã	102 830	36 441	35,44%	89,32%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	186 420			
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	515 580	99 765	19,35%	93,93%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	515 580	91 591	17,76%	98,90%
1	Chi đầu tư phát triển	58 030			
2	Chi thường xuyên	447 250	87 536	19,57%	96,26%
3	Dự phòng NSNN	10 300			
4	Dự toán chưa phân bổ				
5	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		4 055		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh		8 174		60,09%

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÍ I NĂM 2022	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	232 330	63 664	27,40%	95,67%
I	Thu nội địa	232 330	63 664	27,40%	95,67%
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	112 500	26 445	23,51%	84,65%
	-Thuế giá trị gia tăng	80 600	22.029	27,33%	98,43%
	-Thuế thu nhập doanh nghiệp	29 400	3.571	12,15%	59,95%
	-Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	400	53	13,25%	49,53%
	- Thuế tài nguyên	2 100	792	37,71%	28,32%
2	Thuế thu nhập cá nhân	40 000	12.429	31,07%	108,67%
3	Thu phí và lệ phí	4 600	2 743	59,63%	85,80%
	- Lệ phí môn bài	2 450	2 355	96,12%	101,51%
	- Các loại phí khác	2 150	388	18,05%	44,24%
4	Lệ phí trước bạ	21 000	5.174	24,64%	94,30%
5	Các khoản thu về nhà, đất	42 130	13 423	31,86%	123,48%
	-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	330	42	12,73%	323,08%
	-Thu tiền sử dụng đất	40 700	11 831	29,07%	110,87%
	-Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1 100	1 550	140,91%	828,88%
6	Thu khác ngân sách	12 000	3 450	28,75%	79,99%
	- Thu phạt ATGT	6 000	1 401	23,35%	96,16%
	- Thu khác còn lại	6 000	2 049	34,15%	71,74%
7	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100			
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	335 160	100 105	29,87%	109,70%
1	Từ các khoản thu phân chia	182 430	48 090	26,36%	99,02%
2	Tính thu điều tiết cho thị xã	102 830	36 441	35,44%	89,32%
3	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	49 900	15 574	31,21%	94,26%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÍ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1576 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng)

DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	THỰC HIỆN DỰ TOÁN QUÍ I NĂM 2022	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	515 580	95 710	18,56%	65,26%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	515 580	87 536	16,98%	95,08%
I	Chi đầu tư phát triển	58 030			
1	Chi đầu tư cho các dự án	58 030			
II	Chi thường xuyên	447 250	85 697	19,16%	95,08%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	227 540	47 431	20,85%	102,28%
2	Chi khoa học công nghệ	130			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4 066	1 065	26,19%	
4	Chi văn hóa thông tin	5 576	664	11,91%	143,10%
5	Chi phát thanh, truyền hình	558	42	7,53%	87,50%
6	Chi thể dục thể thao	982	162	16,50%	317,65%
7	Nguồn chưa phân bổ SN VH thể thao và Truyền thanh	54			
7	Chi bảo vệ môi trường	7 980			
8	Chi sự nghiệp kinh tế	41 038	3 194	7,78%	42,12%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	78 718	15 230	19,35%	87,23%
10	Chi đảm bảo xã hội	43 932	11 784	26,82%	113,79%
11	Chi an ninh - quốc phòng	33 899	6 012	17,74%	91,38%
12	Chi khác ngân sách	2 777	113	4,07%	81,88%
III	Dự phòng NSNN	10 300	1 839	17,85%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		8 174		
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		7 174		
3	Cho các nhiệm vụ chính sách kinh phí thường xuyên		1 000		

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2022*(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của UBND Thị xã Trảng Bàng)**Đơn vị : 1000 đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	86 189 000	15 398 619	17,87%
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	10 015 000	4 579 071	45,72%
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	33 114 000	6 764 025	20,43%
3	Thu bổ sung	43 060 000	4 055 523	9,42%
	- Thu bổ sung cân đối	42 810 000	4 007 023	9,36%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	250 000	48 500	19,40%
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	86 189 000	12 336 935	14,31%
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	84 469 000	12 336 935	14,61%
3	Dự phòng	1 720 000		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG QUÝ I NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số ¹⁵⁷⁴⁶ /QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2022 của UBND thị xã Trảng Bàng)

Đơn vị : 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS xã, phường	THU NSNN	THU NS xã, phường	THU NSNN	THU NS xã, phường
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	206 485 000	86 189 000	56 067 322	15 398 619	27,15%	17,87%
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	13 495 000	10 015 000	4 579 071	4 579 071	33,93%	45,72%
	Phí, lệ phí	2 415 000	2 415 000	1 303 479	1 303 479	53,97%	53,97%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí trước bạ nhà đất	7 500 000	7 500 000	2 390 471	2 390 471	31,87%	31,87%
	Thu khác	3 580 000	100 000	885 121	885 121	24,72%	885,12%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	149 930 000	33 114 000	47 432 728	6 764 025	31,64%	20,43%
1	Các khoản thu phân chia	306 000	306 000	40 076	40 076	13,10%	13,10%
	- Thuế nhà đất	306 000	306 000	40 076	40 076		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	149 624 000	32 808 000	47 392 652	6 723 949	31,67%	20,49%
	Thuế VAT không kể hàng nhập khẩu	80 600 000	24 493 000	28 212 000	4 255 177	35,00%	17,37%
	Thuế TNDN không kể đơn vị hạch toán toàn ngành	29 400 000	2 284 000	6 148 897	459 028	20,91%	20,10%
	Thuế tài nguyên	2 100 000		789 941	718	37,62%	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS xã, phường	THU NSNN	THU NS xã, phường	THU NSNN	THU NS xã, phường
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Thuế tiêu thu đặc biệt đối với hàng hóa SX trong nước	400 000	400 000	48 210	48 210	12,05%	12,05%
	Thuế thu nhập cá nhân	37 124 000	5 631 000	12 193 604	1 960 816	32,85%	34,82%
	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	43 060 000	43 060 000	4 055 523	4 055 523	9,42%	9,42%
	- Thu bổ sung cân đối	42 810 000	42 810 000	4 007 023	4 007 023	9,36%	9,36%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	250 000	250 000	48 500	48 500	19,40%	19,40%

Số: 226a /TTr-PTCKH

Trảng Bàng, ngày 12 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước Quý I năm 2022 trên địa bàn thị xã

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2006/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 344/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Trảng Bàng, Khoá XII kỳ họp lần thứ 02 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Theo số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Quý I năm 2022. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã trình Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét ra quyết định công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước Quý I năm 2022 trên địa bàn.

Kính trình Ủy ban nhân dân thị xã xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Minh Hiếu™